TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-ST
Ngày 21-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phan Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Đức Hạnh;

Ông Trần Văn Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký tòa án nhân dân huyện H, tỉnh N;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 21 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05 ngày 10 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. N H H sinh ngày 18 tháng 8 năm 1994 tại xã T, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú: xóm K, xã T, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N H H và bà N T H; có vợ H T M D và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân ngày 24/8/2015, bị công an huyện H xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi đánh nhau. Ngày 15/02/2017 bị công an huyện H xử phạt hành chính, bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/10/2011, đến ngày 01/11/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. N H Ksinh ngày 17 tháng 8 năm 1999 tại xã T, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú xóm K, xã T, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông N V Cvà bà L T Đ; vợ con: chưa có; tiền án không, tiền sự không, nhân thân: Ngày

06/12/2019, bị công an thành phố Vinh xử phạt hành chính 2.500.000đ về hành vi đánh nhau. Bị bắt, tạm giam từ ngày 24/10/2011, đến ngày 01/11/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. N V Đ sinh ngày 04 tháng 01 năm 1998 tại xã T, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú xóm K, xã T, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông N V C và bà N T H; vợ P T Y L, có 01 con sinh năm 2020; tiền án không, tiền sự không; bị bắt, tạm giam từ ngày 24/10/2011, đến ngày 01/11/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

4. C M Đ sinh ngày 06 tháng 4 năm 1994 tại xã T, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú xóm K, xã T, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông C M H và bà P T H (đã chết); vợ thứ hai của bố: L T V; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2011, đến ngày 01/11/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

5. N V T sinh ngày 22 tháng 8 năm 1997 tại xã M, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú thôn X, xã M, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông N T L và bà T T S; vợ con chưa có; tiền án không, tiền sự không; bị bắt, tạm giam từ ngày 24/10/2011, đến ngày 01/11/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

6. N H T sinh ngày 23 tháng 12 năm 1994 tại xã T, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú xóm N, xã X, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông N H B và bà N T T; vợ N T N, có 01 con sinh năm 2015; tiền án không, tiền sự không; bị bắt, tạm giam từ ngày 24/10/2011, đến ngày 01/11/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

7. N Đ T sinh ngày 01 tháng 9 năm 1999 tại xã X, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú xóm N, xã X, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông N Đ H (đã chết) và bà N T K T; vợ con chưa có; tiền án không, tiền sự, không;

bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2011, đến ngày 01/11/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

8. N V H sinh ngày 06 tháng 4 năm 2002 tại xã T, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú xóm K, xã T, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N V S và bà N T T; vợ con chưa có; tiền án không, tiền sự không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/10/2011, đến ngày 01/11/2021. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

9. N T N sinh ngày 22 tháng 12 năm 1996 tại xã X, huyện H, tỉnh N. Nơi cư trú làng N, xã X, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông N V H và bà V T L; có chồng N H T và có 01 con sinh năm 2015; tiền án không, tiền sự không; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Chị N T H, sinh năm 1991; cư trú: Xóm, xã T, huyện H, tỉnh N; (Vắng mặt)

Chị Đ T T H, sinh năm 1973; 1991; cư trú: Khối 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh N; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 23/10/2021, C M Đ, N V Đ, N H K, N H H, N V H, N H T (TB), N Đ T (T H), N T N, N V T, đến quán X, đường N V T khối X, thị trấn H, huyện H, tỉnh N để sinh nhật chị N T H (1991), trú tại xã T, huyện H. Khi vào, nhóm của Đ, Đ, K, H H ngồi 01 mâm; nhóm của T (T B), T (H), N, T ngồi 01 mâm sát bên cạnh. Quá trình ngồi ăn uống, Đ sang mâm của T (B) để chúc rượu, Đ nói với T (B) *"em uống với anh chén rượu"*, T (B) nói *"ok em, mà bạn sinh năm mấy"*, Đ trả lời *"1994";* T (B) nói *"rứa thì tui với bạn, đừng xưng hô anh em nữa",* sau đó tất cả tiếp tục ăn, uống. Đến khoảng 21 giờ 50 phút cùng ngày, Đ, H, K, Đ đi ra cổng quán đứng chờ bạn để về, H đứng ở cổng để chào khách, một lúc sau, T (H) và Trung đi ra chào H rồi đi bộ ra xe otô để về. Lúc này, Đ thấy T (B) đi ra cổng thì hỏi *"anh về à"*; nghĩ là Đ hỏi đểu và cho rằng nhóm của Đ đứng chờ để gây sự nên T (B) đi đến chỗ Đ và nói *"dừ bay thích chi"*, nói xong Đ, H dùng tay đánh T (B), Đ nhặt than tổ ong bên mép đường đánh vào đầu T (B), K lấy đá 02 bên mương

nước ném vào người T (B). Do bị đánh nên T (B) gọi *"T ơi, T ơi"* (gọi T H và T) đồng thời tay đấm H thì bị Đ lấy mảnh vỡ bê tông và K dùng đá đánh vào đầu. Thấy T (B) bị đánh, T (H) và T cùng chạy vào đánh nhóm của Đ; T (H) đánh H thì bị K dùng đá đánh vào đầu, sau đó H từ trong ô tô chạy ra dùng tay đấm liên tiếp vào đầu T, T vừa bỏ chạy vừa nhặt đá ném trúng vào chân của H; lúc đó Tài (B) bị Đ đấm, đá và bị Đ dùng đá đánh vào đầu, một lúc sau được mọi người can ngăn nên nhóm của Đ, K, H, H, Đ lên xe ô tô đi về thì bị T (B), N dùng đá ném vào ô tô; thấy vậy K xuống xe nhặt đá ném lại thì được mọi người can ngăn nên K lên xe đi về, sau đó Tài (B) và T đi vào quán X lấy dao ra tìm nhóm của Đ để đánh nhưng nhóm của Đ đã về nên T (B), T (H), N, T, H đi về.

Hậu quả: Khi các nhóm đối tượng đánh nhau, trong quán có khoảng 15 khách đang ăn, uống; trên đường N V T có nhiều phương tiện qua lại. Thời gian đánh nhau trong khoảng 10 phút. Ngoài dùng tay chân đấm, đá thì các đối tượng còn chửi bới, văng tục, la hét và dùng gạch, đá ném nhau làm ồn ào, náo loạn, gây mất trật tự trị an tại khu vực xảy ra sự việc, làm cho quần chúng nhân dân lo sợ, bất bình và lên án.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) con dao, cán gỗ hình tròn, đường kính 03cm, dài 16cm, lưỡi kim loại màu đen dài 34cm, rộng 6,2 cm, lưỡi dao hình cung, mũi nhọn, mép sắc.

- 04 (bốn) cục đá không xác định được hình dáng, kích thước được bỏ vào túi niêm phong, có mã số NS2A-075296.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại 01 con dao cán gỗ hình tròn, đường kính 03cm, dài 16cm, lưỡi kim loại màu đen dài 34cm, rộng 6,2 cm, lưỡi dao hình cung, mũi nhọn, mép sắc, cho chủ sở hữu là chị Đ T T H.

Về dân sự: Các bên không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Bản Cáo trạng số 09/CT-VKS-HS ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh N đã truy tố các bị cáo C M Đ, N H H, N H K, N V Đ, N V H, N V T, N H T, N Đ T và N T N về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện VKSND huyện H giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội nên VKS giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh đề nghị HĐXX tuyên bố: Các bị cáo C M Đ, N H H, N H K, N V Đ, N

V H, N V T, N H T, N Đ T và N T N phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự 2015.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo N H H 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 10 năm 2021 đến ngày 01 tháng 11 năm 2021.

Xử phạt: Bị cáo N H K06 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 10 năm 2021 đến ngày 01 tháng 11 năm 2021.

Căn cứ: khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo N V Đ; C M Đ; N V H, N V T, N H T, N Đ T 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ: khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo N T N 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cá nhân đối với bị cáo N.

Vật chứng xử lý theo quy định của pháp luật. Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm. Miễn án phí đối với bị cáo Đ T do là hộ nghèo.

Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với đại diện viện kiểm sát.

Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về chứng cứ xác định tội danh:* Lời khai tại phiên tòa và lời khai trong quá trình điều tra của các bị cáo là thống nhất với nhau; Phù hợp với Biên bản sự việc do công an thị trấn H lập vào hồi 22 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 10 năm 2021 tại Nhà hàng X; Phù hợp với Công văn số 52/CATT ngày 24 tháng 10 năm 2021 do Công an thị trấn Huyện H gửi Công an huyện H. Phù hợp với báo cáo vụ việc vi phạm của ban cán sự khối X và trích xuất camera cũng như kết luận giám định và các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Tối 23 tháng 10 năm 2021, tại nhà hàng Vườn Xoài chị N T H tổ chức tiệc sinh nhật với khoảng 100 khách mời. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi tiệc tàn, khách đã về hết, chỉ còn hai nhóm thanh niên khoảng hơn 10 người còn ngồi lại. Lúc này, bị cáo C M Đ sang chúc rượu bị cáo N H T và nói: Anh mời em chén rượu. Bị cáo T nói lại: Anh bao nhiêu tuổi. Bị cáo Đ trả lời: sinh năm 1994, bị cáo T nói: Thế thì cùng tuổi chỉ là bạn thôi. Qua lời mời rượu trên của bị cáo Đ, bị cáo T nghĩ bị cáo Đ đã tỏ thái độ khiêu kích bị cáo T. Nên, khi bị cáo T đi ra cổng chào chị H để về. Lúc này, bị cáo Đ đang đứng gần chị H nhắc lại câu nói khi mời rượu thì bị cáo T nghĩ ngay là bị cáo Đ đang khiêu khích mình. Do đó, bị cáo Tài nói "Bây dừ thích chi". Nghe vậy, bị cáo N H H đứng gần đó liền nhảy vào dùng tay tát bị cáo H T. H T vừa tự vệ vừa gọi T và Đ T đang trên đường ra xe oto để về quay lại trợ giúp. Ngay lập tức, các bị cáo không ai bảo ai người dùng tay chân, người dùng gạch, mảnh vỡ xi măng lao vào đánh nhau hỗn loạn trước cổng nhà hàng X. Trong khi đánh nhau, các bị cáo H T và Đ T đã dùng những lời nói thiếu văn hóa, la hét làm mất an ninh trật tự nếp sống bình yên của nhân vào lúc 22 ^{h} ngày 23 tháng 10 năm 2021 trên đường N V T trước cổng nhà hàng X, tại khối X, thị trấn H. Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nghiêm trọng trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, khiến dư luận nhân dân bất bình, lên án. Hành vi trên đủ yếu tố cấu thành tội *"Gây rối trật tự công cộng"* quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự. Do đó, bản Cáo trạng số 09 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản trong Bộ luật Hình sự nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3]. *Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:* Hành vi các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Khi thực hiện hành vi, các bị

cáo là người có đủ năng lực trách niệm hình sự. Các bị cáo biết và nhận thức được hành vi gây rối trật tự công cộng là vi phạm pháp luật nhưng do tuổi đời còn trẻ, thích thể hiện bản thân trước đông người và coi thường pháp luật. Nên các bị cáo đã có hành vi đánh nhau gây mất trật tự nơi công cộng. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm.

Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, mang tính chất bột phát, không có tổ chức, phân công nhiệm vụ từ trước. Các bị cáo cùng nhau tiếp nhận ý chí và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, các bị cáo đều là người thực hành tích cực. Tuy nhiên, mỗi bị cáo thực hành ở mức độ tích cực khác nhau.

Vai trò thực hành tích cực đầu tiên thuộc về bị cáo N H H. Tại cổng nhà hàng Vườn Xoài lúc 21 giờ 30 phút, chị H đang đứng để tiễn khách có bị cáo Đ, H, K. Cách đó khoảng 5 mét có bị cáo Đ đang đứng gần xe oto của bị cáo K, cách khoảng 10 mét có bị cáo Đ T và bị cáo T đang trên đường ra xe để về. Bị cáo N H H là người đầu tiên nhảy vào đánh bị cáo H T, là người trực tiếp dùng đá đánh H T rồi quay lại vật nhau với Đ T làm cho Đ T ngã ra đường và dùng đá đánh Đ T. Ngoài việc là bị cáo có hành vi thực hành tích cực nhất trong vụ án dẫn đến hậu quả gây thương tích cho N H T và N Đ T. Về nhân thân, vào ngày 24/8/2015, bị cáo N H H bị công an huyện H xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về lĩnh vực an ninh trật tự. Ngày 15/02/2017 bị công an huyện H xử phạt hành chính, bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, bị cáo là người phải chịu mức hình phạt cao nhất, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian.

Đối với bị cáo N V Đ khi bị cáo H T vừa bị bị cáo H tát và bị cáo Đ đánh thì Đ đứng cách đó khoảng 5 mét liền cúi xuống nhặt than tổ ong liên tiếp đánh vào đầu H T lần thứ nhất, sau đó lại nhặt than tổ ong lần thứ hai đánh vào H T, lần thứ 3 thì Đ nhặt một mảnh vỡ ximăng có sẵn trên đường đánh thẳng liên tiếp nhiều lần vào đầu, vào phía trước mặt đối diện với H T vừa lúc chị H ra can ngăn nên Đ chạy đuổi theo. Như vậy, xét về hành vi bị cáo Đ là bị cáo có hành vi thực hành tích cực thứ hai trong vụ án chỉ sau bị cáo H.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; có nơi ở rõ ràng; Do đó, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo mà cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với bị cáo N H K, khi bị cáo Hào đã nhảy vào tát H T, Đức đã dùng tay đánh H T, khi Trung và Đ T kịp vào trợ giúp cho H T thì Kiên mới dùng hai tay nhặt hai hòn đá lao vào đánh vào đầu H T. Tiếp tục, K nhặt đá đánh Đ T rồi tiếp tục cùng với H vật nhau Đ T làm cho Đ T ngã ra đường rồi dùng tay tát, chân đá vào Đ T liên tiếp. Do lúc đó, T nhặt đá ném đá vào K, K tránh được và chạy ra ngoài về phía M. Nên K dừng lại. Hậu quả làm cho H T và Đ T bị thương như đã phân tích ở trên.

Bị cáo Kiên, ngoài việc là bị cáo có hành vi thực hành tích cực tương đương bị cáo Đ trong vụ án. Về nhân thân, vào ngày 06 tháng 12 năm 2019, bị cáo K đã bị công an thành phố V xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi đánh nhau. Do đó, bị cáo là người phải chịu mức hình phạt cao thứ hai, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian.

Bị cáo C M Đ là bị cáo có lời nói làm cho bị cáo H T hiểu là khiêu khích, nên khi bị cáo H lao vào đánh H T thì bị cáo Đ ngay lập tức cũng dùng tay, chân đánh HT. Bị cáo H đang ngồi trong xe oto của bị cáo K thấy mọi người đánh nhau thì chạy ra cầm đá đánh vào nhóm H T nhưng không biết trúng ai. Bị cáo T và Đ T đang đi ra xe để về thấy H T gọi "T ơi, Tr ơi" quay lại thấy K, Đ, H đang đánh H T nên chạy lại trợ giúp cho H T và dùng tay, chân đánh lại nhóm Đ. Trong khi đánh nhau bị cáo H T có dùng gạch đá ném lại nhóm Đ lúc sự việc đã gần xong nên không trúng ai. Do đó, trong nhóm này bị cáo Đ có vai trò cao hơn. Các bị cáo H. Đ T, T và H T có vai trò tương đương nhau.

Đối với bị cáo N T N, khi thấy mọi người đánh chồng mình, lúc mọi việc gần như kết thúc bị bị cáo N mới từ trong nhà hàng đi ra. Các bị cáo bên nhóm của bị cáo C M Đ đã lên xe bị cáo K chuẩn bị ra về. Bị cáo N lựa chọn dùng gạch đá ném để hù dọa và đuổi nhóm Đ trợ giúp cho chồng nên có vai trò thấp nhất trong vụ án. Bị cáo đang có thai và nuôi con nhỏ. Vì vậy, cần xem xét cho bị cáo ở mức án thấp nhất trong vụ án.

[4].Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo N V Đ; C M Đ; N V H, N V T, N H T, N Đ T và N T N phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sau khi phạm tội tất cả các bị cáo đều ra đầu thú tại công an huyện H. Bị cáo H T, bị cáo N và bị cáo Đ gia đình đang thờ cúng liệt sỹ. Bà nội của bị cáo H T và bị cáo N V H được tặng Huy Chương Kháng Chiến Hạng Nhì. Bị cáo Đ có giấy khen của UBND xã T về ủng hộ phong trào chống COVID năm 2021 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N T N đang mang thai tháng thứ 5 tại thời điểm phiên tòa xét xử sơ thẩm nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. *Về xử lý vật chứng:*

+ 01 (một) con dao, cán gỗ hình tròn, đường kính 03cm, dài 16cm, lưỡi kim loại màu đen dài 34cm, rộng 6,2 cm, lưỡi dao hình cung, mũi nhọn, mép sắc. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Đ T T H.

+ 04 (bốn) cục đá không xác định được hình dáng, kích thước được bỏ vào túi niêm phong, có mã số NS2A-075296 là công cụ phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

[6]. *Về dân sự:* Các bên không yêu cầu bồi thường về dân sự.

[7]. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đ T là hộ nghèo nên miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo C M Đ, N H H, N H K, N V Đ, N V T, N V H, N H T, N Đ T và N T N phạm tội "Gây rối trật tự nơi cộng cộng".

Căn cứ: Khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo N H H 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 10 năm 2021 đến ngày 01 tháng 11 năm 2021.

Xử phạt: Bị cáo N H K 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 10 năm 2021 đến ngày 01 tháng 11 năm 2021.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo N V Đ 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo C M Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Bị cáo N V H, N V T, N H T, N Đ T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao cho Uỷ ban nhân dân nơi các bị cáo được hưởng án treo cư trú cùng với gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 318; điểm i, s và n khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo N T N 6 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cá nhân đối với bị cáo N.

Giao cho Uỷ ban nhân dân nơi bị cáo cư trú cùng với gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cá nhân đối với bị cáo N T N.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015: Tịch thu, tiêu hủy gói 04 viến đá không rõ hình dạng (Đặc điểm chi tiết có trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 01 năm 2022).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Miễn án phí cho bị cáo N Đ T.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh N trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chị cục THA huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phan Hương